

Mạn đàm về tập tục phóng sinh của dân tộc Tạng

ĐỨC KHƯỚC TRÁC MÃ*

Tạng là một dân tộc có nền văn hóa lâu đời. Trong tiến trình phát triển lịch sử của mình, do chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như tôn giáo, kinh tế, chính trị, xã hội, tâm lí, địa vực, hoàn cảnh tự nhiên, v.v... dân tộc này đã hình thành nên những hiện tượng phong tục tập quán độc đáo. Đúng như Lafarge đã nói trong *Của cải và nguồn gốc của cải*, tôn giáo là “kho lưu trữ phong tục cổ đại”. Những phong tục tập quán vô cùng phong phú của người Tạng dường như đều trực tiếp hoặc gián tiếp có liên hệ với tín ngưỡng Phật giáo, trong đó *phóng sinh* chính là một hiện tượng văn hóa mang tính phong tục tôn giáo tồn tại phổ biến tại những vùng có người Tạng sinh sống.

1. Nguồn gốc của tục phóng sinh

Theo sử sách tộc Tạng ghi chép, tôn giáo nguyên thủy thịnh hành của tổ tiên người Tạng xưa là Bản giáo. Bản giáo đặt cơ sở cho văn hóa Tạng tộc, là tôn giáo “bản thổ” của người Tạng bản địa (sớm nhất là ở khu vực phía nam A Lý ngày nay). Tổ sư của Bản giáo có tên gọi là “Hưng Nhiêu” (*gshen rabs mi bo*), có nghĩa là ông thầy mo ở vị trí tối cao. Bản giáo là một tín ngưỡng cho rằng vạn vật hữu linh. Đối tượng được sùng bái gồm các vật tự nhiên như Trời, Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng, các vì tinh tú, sấm chớp, mưa đá, sơn xuyên, thổ thạch, cây cỏ, cầm thú, v.v... Có thể nói Bản giáo là một hình thức biểu hiện của tín ngưỡng *phiếm linh*

tại những vùng người Tạng sinh sống. Tổ tiên người Tạng xưa không có cách gì để nhận thức chuẩn xác về những hiện tượng đáng sợ của tự nhiên (sấm, chớp, địa lôi, hỏa hoạn, thủy nạn, v.v...) và cũng không cách gì để lí giải được những điều bí ẩn ở ngay chính bản thân con người (bạo bệnh rồi chết, ôn dịch, hoắc loạn, v.v...), nên cho rằng có tồn tại một loại vật thần linh nào đó, sống cao hơn loài người. Vì thế họ vô cùng tôn sùng các vật tự nhiên và quý thần của núi rừng, sông suối, trời đất; coi trọng tế lễ, lên đồng, chiêm bái... để nhằm cầu xin cho người sống được điều lành mang tới, điều dữ tống khứ tha phương, đuổi bệnh trừ tà, cầu mưa thuận gió hòa và cầu cho hồn phách người chết được yên ổn. Người Tạng vì thế có lòng thành kính đối với vật tự nhiên và các loại quý thần. Họ thường thông qua việc giết mổ các loài dê, trâu, ngựa để tế lễ các vị thần linh mình sùng bái. Trong sử sách từng miêu tả hiện tượng “máu chảy thành sông, thịt chất thành núi”⁽¹⁾. Có thể thấy ở một mức độ nào đó người Tạng vì sùng bái thần linh nên đã đánh bắt động vật hoang dã, giết mổ gia súc một cách vô độ.

Thế rồi cùng với biến thiên của lịch sử, Phật giáo dần truyền nhập và thay thế

*. Dịch từ *Phật giáo văn hoá*, No. 5/2007, tr. 99-103.
1. Can Mộc Cồn. *Phật giáo thường thức thủ sách* (Tạng văn), 206 trang, Dân tộc xuất bản xã xuất bản, tháng 4 năm 2002.

Bản giáo tại vùng cao nguyên tuyết trắng này. Nhiều hoạt động tế lễ của người Tạng vốn chịu ảnh hưởng của tôn giáo nguyên thủy đã ít nhiều hấp thu tư tưởng Phật giáo. Mà Phật giáo lại nghiêm cấm sát sinh, cho nên sau khi tư tưởng Phật giáo bén rễ sâu tại vùng Tây Tạng thì phương pháp dùng động vật để tế tự của người Tạng dần dần cũng được thay thế bằng cách thức tế lễ của Phật giáo, trong đó có tục phóng sinh. Cùng với bước du nhập của Phật giáo, tục phóng sinh đã phát triển khắp vùng cao nguyên có người Tạng sinh sống và đã hạn chế được tập tục giết mổ động vật để tỏ lòng thành kính thần linh theo quan niệm tôn giáo nguyên thủy của người Tạng. Về mặt khách quan, rõ ràng sự thay đổi này có tác dụng cân bằng môi trường sinh thái, bảo vệ được các loài gia súc, các loài động vật hoang dã, và sinh thái tự nhiên dần trở thành một loại hành động tự giác trong cuộc sống hàng ngày của con người.

2. Phương thức phóng sinh của người Tạng

Phóng sinh thường được tiến hành vào những ngày lễ của Phật giáo. Chẳng hạn, ngày mồng bảy tháng Tư là ngày Phật giáng sinh, ngày mười lăm tháng Tư là ngày Phật Đà thành tựu và nhập Niết Bàn; ngày mồng bốn tháng Sáu là ngày Phật Đà chuyển pháp luân; ngày mười lăm tháng Sáu là ngày Phật Đà nhập thai; ngày hai mươi hai tháng Chín là ngày Phật Đà thiên giáng; ngày mồng tám, ngày mười lăm và ngày ba mươi hằng tháng là các ngày lễ của A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật, Dược Sư Phật; ngày mồng sáu tháng sáu là ngày đản sinh của Liên Hoa Sinh đại sư. Theo người Tạng thì những ngày trên là những ngày tốt nhất để tiến hành lễ phóng sinh. Ngoài ra, trong những ngày có tiết lễ Bồ tát phổ biến tại các địa phương, đều cũng có thể tiến hành lễ phóng sinh. Mỗi gia đình đều có thể phóng sinh vào thời gian

phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình. Khi phóng sinh, nếu có nhà sư tụng *Phóng sinh kinh* thì hiệu quả càng tốt hơn hoặc nếu bản thân người phóng sinh niệm kinh *phóng sinh* thì cũng tốt. Nghi thức tụng niệm kinh *phóng sinh* tiến hành phóng sinh cũng khá cầu kì, người ta đem hết vật phóng sinh dồn vào một chỗ rồi lần lượt tụng niệm:

1. Quy y, phát tâm (mỗi phẩm tụng 3 lượt)
2. Phát tứ vô lượng tâm (niệm 1 lượt)
3. Cúng dàng kệ (1 lượt)
4. Tâm kinh (1 lượt)
5. Tụng danh hiệu Bồ tát (mỗi danh hiệu niệm 3 hoặc 7 lượt)
6. Tụng chú (mỗi câu chú niệm mấy chục lượt hoặc 108 lượt)
7. Hồi hướng văn (niệm 1 lần)⁽²⁾

Nếu có nhiều thời gian, có thể niệm tụng phần kệ tụng trong *Phổ hiền hạnh nguyện phẩm* và *Đại viên mãn cơ đạo quả nhị chi phát nguyện văn* thì sẽ càng lợi lạc hơn.

Hình thức biểu hiện của nghi thức phóng sinh tại các vùng có người Tạng sinh sống về đại thể là tương đồng, nhằm đem sinh linh trả về với đại tự nhiên, để chúng tự sinh tự diệt. Ngày nay cùng với mức sống ngày càng nâng cao của người dân, tập tục phóng sinh ngày càng trở nên phổ biến và trở thành một nét văn hóa dân gian và đời sống tâm linh của dân tộc Tạng, không chỉ biểu hiện thủ pháp đa dạng mà về tâm lí, mục đích cũng có những nét khác biệt. Chẳng hạn những nét khác biệt trong tập tục phóng sinh của người Tạng có thể thấy qua các ví dụ sau đây:

2.1. Biểu hiện sự cảm ân gia súc

Ở các vùng nông mục hầu hết gia đình nào cũng có ngựa, bò, lừa, v.v... Với đặc

2. Theo: Sách Đạt Cát Thập Bộ. *Phóng sinh công đức văn*, tr. 34-36.

điểm địa hình nơi người Tạng sống thì những loài súc vật này đã giúp ích rất nhiều cho cuộc sống của họ. Bởi thế người Tạng hết sức yêu quý loài động vật cho sức kéo, giúp ích mùa màng. Vào những ngày nông mùa bận rộn, mỗi ngày họ đều chuẩn bị thức ăn có nhiều dinh dưỡng để chăm sóc chúng, rồi chải bờm lông, quét dọn chuồng trại. Họ không bao giờ đánh chúng bữa bãi, càng không tùy ý giết thịt; đến khi chúng không còn sức kéo nữa thì người chủ lại càng quan tâm, thương yêu chúng, không đánh không giết, chăm sóc chúng cho đến khi chúng già chết mới thôi. Có một số người còn đem đầu trâu bò chết già của mình chôn ngay trong khu đất nơi mình ở, đợi sau khi thịt tiêu tan hết thì lấy lại xương đầu trâu bò đem về nhà, đồng thời ngay chính trên xương đầu chúng khắc sáu chữ chân ngôn, treo trên cây gần nhà mình, để biểu thị sự tôn trọng và lòng tri ân với chúng.

2.2. Biểu thị lòng mong cầu sớm sinh quý tử

Ở nhiều khu vực người Tạng, nếu các cặp vợ chồng lấy nhau sau mấy năm mà vẫn chưa có con, họ sẽ đến chùa tháp hương cầu Phật, xin thầy pháp điểm chỉ và đại đa số các trường hợp, pháp sư đều khuyên họ làm lễ phóng sinh. Động vật dùng để phóng sinh tốt nhất là bò và dê có màu trắng, đợi sau khi chọn ngày xong thì mời mấy vị sư tăng tới nhà tụng kinh. Trong quá trình sư tăng tụng kinh, chủ nhà chuẩn bị đầy đủ các mảnh đoạn đủ các màu đỏ, vàng, lam, trắng... và ngũ cốc đặt trong khám thờ Phật nơi tụng kinh, đến khi nghi thức tụng kinh gần xong, một vị sư sẽ đem những dải đoạn nhiều màu kết vào sừng hoặc bờm lông, tiếp đó lấy chút dầu bơ bôi vào sừng và trán con vật, đợi sư tăng tụng kinh xong, đem ngũ cốc rắc lên mình nó, bấy giờ mọi nghi thức đã hoàn tất, chủ nhân đuổi các con vật vào rừng, thật xa nơi mình ở và khi đuổi chúng thì không được dùng roi quất.

Từ đó trở đi, người chủ hoàn toàn vứt bỏ quyền sở hữu đối với con vật, để chúng trở lại thiên nhiên với cuộc sống tự do.

2.3. Biểu thị lòng mong cầu gia đình an lạc

Để mong cầu gia đình hạnh phúc, bình an người Tạng cũng tiến hành phóng sinh. Cách làm này rất phổ biến ở vùng Tây Tạng. Nhiều gia đình sau khi đoàn tụ, cả nhà bèn đi mua rất nhiều sò, tôm tươi, đem đến thả ở nơi khe suối tương đối vắng người. Để tránh chúng bị bắt lại một lần nữa, nhiều người cố công đem thả chúng ở một nơi thật xa, để chúng thoát khỏi bị loài người đánh bắt. Có người để cầu mong hạnh phúc cát tường cho toàn gia đình còn dùng các loài bò, dê, ngựa, gia súc để phóng sinh, bằng cách không bắt chúng cày kéo, thồ hàng, không đánh đập, giết mổ hay bán, cứ để chúng tự do sinh trưởng cho tới khi chết tự nhiên rồi chọn nơi sạch sẽ để chôn.

2.4. Biểu thị ý thức bảo vệ sinh thái

Đối với người Tạng, đối tượng phóng sinh không chỉ là bò, dê, mà còn bao gồm cả các loài động vật hoang dã như cá, chim, các loài côn trùng. Hành động phóng sinh rõ ràng có kết quả bảo vệ môi trường sinh thái. Các khu vực người Tạng sinh sống hầu hết đều men theo các triền sông, nơi có nguồn nước song người Tạng hầu như không bao giờ đánh bắt cá và cũng không ăn cá. Một số cụ già cao tuổi còn thường xuyên ngồi canh giữ ven sông, canh không cho người lạ tới đánh bắt cá. Một số người thậm chí còn đi mua cá mà người khác đã đánh bắt đem đi thả. Một số người chăn gia súc trên núi mỗi khi thấy thỏ rừng, sơn dương hay gà rừng bị thương đều đem chúng về nhà chữa trị cho tới khi nào vết thương khỏi hẳn thì lại thả chúng về rừng. Ở một số địa phương, dân thôn còn quy định không được xâm phạm rừng, sông suối, cây cối bốn bề xung quanh trại nơi mình sinh sống và cắt cử những người có năng lực trông nom. Ai vi phạm, không chỉ

bị tịch thu dụng cụ đánh bắt mà còn phạt kinh tế toàn thân ấy, trường hợp nặng sẽ bị dân thôn khiển trách.

Như vậy có thể thấy, về mặt chọn ngày phóng sinh của người Tạng khá tỉ mỉ, song về đối tượng phóng sinh thì không hề phân biệt chủng loài vì người Tạng cho rằng sinh mạng dù nhỏ bé như con giun cái kiến hay lớn như con voi thì cũng đều như nhau, cho nên đối tượng phóng sinh của họ không nghiêng về một loài động vật nào, điều này thể hiện thái độ “nhất thị đồng nhân” (coi mọi vật đều như nhau) của người Tạng.

3. Công đức phóng sinh và ý nghĩa của việc phóng sinh

Người Tạng cho rằng, phóng sinh chính là phúc lớn nhất, phóng sinh chính là hành thiện tốt nhất. Tích đức hành thiện, thủy mọi công đức không gì lớn bằng phóng sinh. Phạm người tiến hành phóng sinh đều thu được tứ quả công đức, tùy theo mức độ mà có thể chuyển tới dục giới thiên hay chuyển sinh sắc giới, vô sắc giới, dần dần thoát li khỏi khổ ải, trầm luân. Phật giáo cho rằng giới sát sinh là một trong những giới căn bản. Giới luật Phật giáo chia thành hai loại lớn, tức là “chỉ trì giới” và “tác trì giới”. Loại giới thứ nhất ngăn cấm sát sinh, còn loại thứ hai thì trên cơ sở không sát sinh nhằm bảo vệ sinh mệnh chúng sinh, bao gồm cả loài người trong đó. Sinh mệnh mới là thứ giá trị nhất, đáng trân trọng nhất. Như một người đứng bên bờ cõi chết, nếu cho họ tự lựa chọn sinh mệnh hay của cải thì chắc chắn họ sẽ chọn sự sống của bản thân mình. Bởi vì nếu không giữ được sinh mệnh thì của cải ngàn vàng cũng trở nên vô nghĩa. Vì thế mà Phật Đà mới răn người đời sau rằng, “trong việc bố thí thì phóng sinh đứng hàng đầu”. Công đức giới sát phóng sinh giúp con người thực hiện những tâm nguyện khác nhau của bản thân, tạo dựng cho con người nếp sống nhân ái cũng như thói quen ăn uống lành mạnh thông qua việc hạn chế và không giết hại sinh linh.

Ý nghĩa của phóng sinh có thể bao quát trong tám chữ “ái tích sinh mệnh, viễn li uy hiếp” (nâng niu sinh mệnh, tránh xa uy hiếp). Sinh mệnh, sự sống là quý báu hơn cả, ai ai cũng mong cuộc sống của mình hạnh phúc bình an. Một khi sinh mệnh bản thân bị uy hiếp thì người ta sẽ không còn tiếc bất cứ thứ gì để bảo vệ nó. Con người thì như thế, mọi loài động vật khác cũng như vậy. Cho dù nhìn dưới góc độ Phật học hay khoa học thì mọi sinh vật đều bình đẳng, từ vị quốc vương hay người hành khất cho đến những chú kiến nhỏ nhoi... sự sống của tất cả đều đáng quý như nhau.

Từ những điều nêu trên đây có thể thấy tập tục phóng sinh của người Tạng không chỉ thỏa mãn ý nguyện làm việc thiện của bản thân người tiến hành phóng sinh mà điều quan trọng hơn là về khách quan có tác dụng bảo vệ cân bằng sinh thái, có ý nghĩa thực tế cao. Lí luận “vạn vật nhất thể, giai hữu sinh mệnh”, “thiên nhân hợp nhất” đồng thời cũng trở thành hành vi đạo đức giúp cho môi trường sinh thái đa dạng và cảnh quan con người nơi người Tạng sinh sống luôn được bảo vệ tốt và liên tục phát triển.

Với ảnh hưởng tín ngưỡng Phật giáo hơn một ngàn năm, lối sống dân tộc Tạng đã chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng bình đẳng, từ bi của đạo Phật. Những tư tưởng như “không sát sinh”, “yêu thương sinh linh”, “phóng sinh”, v.v... thể hiện một ý thức văn minh về sự tự giác bảo vệ môi trường sinh thái cũng như hành vi lối sống con người, để từ đó hình thành nên sự gắn bó hài hòa, cùng dựa vào nhau, cùng sinh tồn giữa con người và tự nhiên, giữa con người với thân linh, giữa con người với động vật và giữa con người với thực vật. Có lẽ chính vì thế mà người đời luôn hướng về cao nguyên Thanh Tạng như một thánh địa./

Người dịch: **Ánh Hồng**

VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM